



Ghi nhớ Một trăm năm chữ Quốc Ngữ (1919-2019): Ngược nguồn chữ Việt

Bút ký của Hoàng Minh Tường

Hơn một nghìn năm Bắc thuộc, rồi các nhà nước phong kiến Việt Nam tự chủ từ Ngô Quyền xưng Vương năm 939, với sự xuất hiện của chữ Nôm, loại hình chữ Việt của tầng lớp trên biến thể từ chữ Hán, hầu hết các văn bản chính thống Quốc gia, các trước tác, văn bia, tàng thư lưu trữ..., cho đến năm 1919, đều dùng chữ Hán và chữ Nôm. Đọc được thứ chữ này chỉ có các nhà nho và quan lại, hơn chín mươi chín phần trăm dân cư mù chữ. Chỉ đến khi vua Khải Định ra đạo dụ ngày 26 tháng 11 năm Mậu Ngọ (28/12/1918) bãi bỏ các khoa thi lễu chông cử tử, đưa chữ Quốc ngữ vào nhà trường, chữ Việt hiện đại mới chính thức được phổ cập và phát triển trên toàn xứ sở.

Sự thần kỳ nào đã giúp người Việt thoát thứ chữ tượng hình hàng nghìn năm bao quản tư duy và tự tôn dân tộc để có một hệ ký tự Latin hiện đại, để rồi một trăm năm qua khởi phát giao hòa đông tây, kết nối đồng bào, khuếch tán văn hóa với toàn nhân loại?

Hãy làm một cuộc ngược dòng, tìm đến nguồn cội của chữ Quốc ngữ.

I. MỘT ĐẤT NƯỚC KỶ BÍ

Đất nước Iran trông tựa như một chiếc lá phong bay phấp phật giữa vùng Tây Á và Nam Á, kẹp giữa hai biển, phía Bắc là Caspi (Lý Hải), phía Nam là vịnh Persia. Bay trên trời, tưởng tượng Airbus đang là chiếc thám bay, từ Istanbul đến Teheran, nhìn xuống, chỉ thấy bao la một vùng cao nguyên khô cằn màu đất gan gà. Đi đường bộ dọc Bắc Nam từ bờ Caspi đến bờ vịnh Persia cũng điệp trùng những dải núi như được nung đốt thành sành gốm và menh mông hoàng thổ. Hiếm hoi lắm mới gặp một vạt xanh. Đúng hơn là những chấm xanh.

Đất đai ấy, mà sao từ hơn ba ngàn năm trước đã tạo nên những đế chế của người Media và người Babylon cổ đại, để rồi đến thế kỷ thứ VII trước CN, hợp thành đế chế Achaemenes của người Aryan với vua Syrus đại đế, tiền thân của đế quốc Ba Tư hùng mạnh về sau. Đất đai ấy mà thăng hoặc lại bất gặp những thành quách đền đài, nơi bị thời gian vùi lấp, nơi hầu như còn nguyên vẹn, nguy nga tráng lệ. Và âm u trong gió, bàng lảng trong mây là những câu chuyện huyền hoặc của một nghìn lẻ một đêm và những tấm thảm bay kỳ ảo.

Giữa vùng hoang mạc khô cằn và kì bí ấy, tưởng rằng chẳng có gì dính líu đến nước Việt viễn đông xa xôi, nào ngờ có hai sự kiện mà hậu thế bây giờ mới giật mình.

Ấy là vào năm 1255, khi vó ngựa của Thành Cát Tư Hãn tiến qua vùng Trung Á, đế quốc Ba Tư bị khuất phục. Hulagu, cháu nội của Hốt Tất Liệt trở thành thái thú Ba Tư, lập tức thành lập đội quân viễn chinh người bản xứ, theo gót quân Nguyên Mông đi chinh phục thế giới. Ba lần quân Nguyên tiến đánh Đại Việt (1258, 1285 và 1287), hai lần sau đều có tướng Ô Mã Nhi. Ở cuộc xâm lược Đại Việt lần thứ hai, thủy quân Ô Mã Nhi đã làm mưa làm gió vùng hạ lưu sông Hồng, sông Thái Bình, có lúc dồn đuổi thủy quân Trần Hưng Đạo về Vạn Kiếp, có lúc bao vây thành Thăng Long, truy sát vua tôi nhà Trần xuống Xuân Trường, khiến vua Trần lo lắng hỏi Trần Hưng Đạo có nên hàng giặc không? Và Hưng Đạo Vương đã nói câu bất hủ: "Nếu bệ hạ muốn hàng thì hãy chém đầu tôi đi đã". Rồi Trần Hưng Đạo đưa thượng hoàng và vua về Ba Chẽ, Quảng Ninh để lừa giặc trước khi vòng vào xứ Thanh, thoát lưới vây bủa của Ô Mã Nhi, chờ lúc phản công, đuổi giặc ra khỏi bờ cõi. Những ngày nguy nan ấy, một loạt quan quân nhà Trần đã ra hàng giặc, như hoàng tử Trần Ích Tắc, hoàng thân Trần Lộng, Trần Kiên...

Cuộc xâm lược lần thứ ba, Ô Mã Nhi đã được phong chức Bình chương sự, cùng Phàn Tiếp dẫn thủy binh vào cửa Bạch Đằng. Và trận thủy chiến lừng danh nhất trong lịch sử quân sự nước Việt (và cả thế giới) đã được Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương dàn trận. Trước đó ở Vân Đồn, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đã tiêu diệt Trương Văn Hổ và toàn bộ hạm đội hậu cần tiếp viện. Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ cùng hơn bốn trăm chiến thuyền giặc lọt vào trận địa phục kích và bị đốt cháy. Phàn Tiếp bị giết, Ô Mã Nhi bị bắt sống. Trận đánh thần sầu ấy diễn ra vào tháng tư năm Mậu Tý, 1288.

Tướng Ô Mã Nhi này, phải chăng chính là Omar, người Ba Tư?

Nhà sử học Ba Tư nổi tiếng thế kỷ XIII là Rashid-al-Din Hamadani có thể đã đi trong đoàn quân ấy, đã biết Omar, hoặc được nghe kể, để rồi đã ghi lại trong sử biên niên về xứ Giao Chỉ (Kiafka) thời ấy: "...Nước đó có những vùng khó đi lại và nhiều rừng cây... Nước đó có quốc vương riêng không thần phục Hãn (vua Mông Cổ). Con trai của Hãn là Thoát Hoan (Tugan) chỉ huy đội quân bảo vệ miền Manzi cũng như để ngăn ngừa và chống lại những ai không khuất phục. Một lần Tugan mang quân vào nước đó, chiếm lấy các thành thị ven biển và thống trị ở đây một tuần lễ. Nhưng bỗng nhiên từ biển, từ rừng, từ núi, xuất hiện những đội quân nước đó đánh tan đạo quân của Tugan đang lo cướp bóc. Tugan trốn thoát và lại về đóng ở Lukin Fu (Nam Kinh)... Đọc mà sững âm ỉ. Ngay từ thế kỷ XIII chiến thắng của quân dân nhà Trần Đại Việt ta đã ngân vang trong sử sách Iran.

II. ĐI TÌM MỘ ALEXANDRE DE RHODES

Sự kiện thứ hai.

Bốn trăm năm sau, năm 1651, có một người từ Đại Việt ra đi, sau khi hoàn thành công trình vĩ đại: bộ *Từ điển Việt - Bồ - La (Dictionarium Annamitium Lusitanum et Latinum)* cùng với tác phẩm *Phép giảng tám ngày*, và cho in tại Roma, đã được Giáo hội cử đến Ba Tư truyền đạo và mất ở đó năm 1660. "*Phép giảng tám ngày*" hiện còn một bản duy nhất, một báu vật, được lưu giữ tại nhà thờ Măng Lăng, Phú Yên [Bản ở nhà thờ Măng Lăng chỉ là phục chế. Có thể tải bản điện tử cuốn *Phép giảng tám ngày* lưu trữ tại thư viện thành phố Munich theo đường link:

https://commons.wikimedia.org/wiki/File:Ph%C3%A9p_gi%E1%BA%A3ng_t%C3%A1m_ng%C3%A0y.pdf – Văn Việt]. Tác giả của hai công trình bất hủ đó là Linh mục Alexandre de Rhodes, một nhà Việt Nam học, nhà ngôn ngữ học, người đã góp phần quan trọng tạo ra chữ Việt hiện đại. Thông tin này mãi gần đây mới tìm thấy trong tàng thư của Tòa thánh Vatican. Báo chí Việt từ vài chục năm nay cũng chỉ đưa tin vậ thôi, chứ chưa người Việt nào biết đích xác mộ cha Alexandre de Rhodes ở đâu, hình thù thế nào, có ai khói hương chăm sóc?

Alexandre de Rhodes (A Lịch Sơn Đắc Lộ), sinh ngày 15/3/1591, gốc người Do Thái, sinh trưởng ở vùng Avignon, lãnh thổ Giáo Hoàng miền nam nước Pháp, học tại nhà tập Dòng Tên ở Roma. Ông giỏi thiên văn học, toán học, ngôn ngữ học. Năm 26 tuổi (1619), ông sang Nhật truyền giáo, rồi chuyển sang Ma Cao. Năm 1625 cùng bốn cha Dòng Tên cập cảng Hội An. Trước đó, năm 1617, tại đây đã có một số giáo sĩ đến truyền đạo, đặc biệt có cha người Bồ Đào Nha *Francisco de Pina*, người đã hầu như thông thạo tiếng Việt để giảng đạo trực tiếp cho các con chiên. Cha *Francisco de Pina* (1585-1625) sinh tại Guarda, Bồ Đào Nha, tốt nghiệp chủng viện Dòng Tên năm 1605, sang Nhật Bản, Ma Cao, rồi đến Đàng Trong năm 1617. Ông là giáo sĩ thông thạo tiếng Việt đầu tiên để giảng đạo cho con chiên bản xứ. Tại thư viện Quốc gia Bồ Đào Nha ở thủ đô Lisbon hiện còn giữ nhiều tài liệu về cha *Francisco de Pina*. Đó là những trang ghi kí tự Latin đầu tiên về tiếng Việt được gửi từ xứ Đàng Trong về tòa thánh Vatican, kiểu chữ *fantazi* đẹp như các thợ chữ viết bằng khen. Lại nữa, trong các tài liệu ấy còn có phương pháp ký tự sáu thanh điệu tiếng Việt (nặng, hỏi, ngã, không, huyền, sắc) trên các khuôn nhạc, từ cung trầm nhất cho đến cung bậc cao. Cuộc gặp giữa cha De Pina với cha De Rhodes rất ngắn ngủi, chỉ trong vài tháng đầu năm 1625, nhưng lại là một cuộc gặp bàn giao định mệnh. Chính cha Francisco de Pina đã truyền cách học và ghi tiếng Việt bằng chữ Latin cho cha De Rhodes. Sau cái chết vì vụ cứu nạn đắm tàu năm 1625 của cha De Pina, tất cả tài liệu chữ Việt thuở sơ khai đã được cha De Rhodes gìn giữ. Phải chăng, nếu cha De Pina không bị tử nạn, có thể chính ông là người đầu tiên soạn thảo bộ từ điển Việt - Bồ - La, hoặc là đồng tác giả với cha Alexandre des Rhodes?

Cùng với người thầy đầu tiên, Francisco de Pina, dạy tiếng Việt cho cha De Rhodes vào cái năm 1625 ấy, còn có một chú bé mười hai tuổi người bản địa.

“Chỉ trong ba tuần, cậu đã dạy tôi các cung giọng của tiếng Việt và cách phát âm từng chữ, cậu hiểu được tất cả những gì tôi diễn đạt, đồng thời cậu học viết Latin và có thể giúp lễ. Sau đó cậu thành người trợ giảng loan báo tin mừng cho xứ sở...”

“Mỗi ngày tôi hăm hở học tiếng Việt y như ngày xưa tôi học thiên văn học ở Roma. Và nhờ ơn Chúa giúp, chỉ trong vòng bốn tháng, tôi học biết đủ tiếng Việt để có thể giải tội, và sau sáu tháng tôi có thể giảng được bằng tiếng Việt...”

“... Khi tôi tới Nam Kỳ (Đàng Trong – HMT) và nghe người dân bản xứ nói, đặc biệt là phụ nữ, tôi có cảm tưởng mình đang nghe chim hót líu lo, và tôi đắm ngã lòng vì nghĩ rằng có lẽ không bao giờ mình học nói được ngôn ngữ như thế... Do đó tôi tự ép buộc mình phải dồn mọi khả năng để học cho được tiếng Việt.”

Những dòng nhật ký của linh mục Alexandre de Rhodes, ba trăm bảy mươi năm trước, cho người sau hiểu rằng ông đã đến với nước Việt bởi một tình yêu dâng hiến, một sự xả thân công đức.

Cũng cần phải nói thêm rằng, trong các tài liệu công giáo ở Đàng Trong, có ghi lại một sự kiện quan trọng. Đó là sau cái chết của cha Francois de Pina vì vụ cứu nạn, Chúa Nguyễn đã kiên quyết trục xuất nhóm các giáo sĩ phương Tây. Đúng lúc đó, có một bàn tay Bồ Tát của người Việt chìa ra giúp đỡ. Đó là quan tuần phủ Quy Nhơn Trần Đức Hòa, người đã từng tiễn cử Đào Duy Từ với chúa Sãi Vương. Với quyền lực và ảnh hưởng của mình, cộng với lòng nhân ái vô bờ, tâm viễn kiến về một ảnh hưởng văn hóa, ông đã giấu máng vị linh mục mắt xanh, trong đó có cha Alexandre de Rhodes, trong nhân dân, trong đức tin và tình người rộng mở, để rồi những năm sau các giáo sĩ tiếp tục được sống, được hành đạo và góp phần đưa văn minh văn hóa phương Tây vào đất Việt. Alexandre de Rhodes sống ở Việt Nam tròn hai mươi năm, từ năm 1625 đến 1645, đã sáu lần bị các chúa Nguyễn trục xuất, nhưng sáu lần đều nhẫn nhịn, luôn trốn để ở lại. Đó là sự tận hiến vì đức tin vì đạo nghĩa với xứ sở này, chứ quyết không phải là một âm mưu thôn tính thực dân mà ai đó nếu cố tình gán ghép. Năm 1625, lần cuối cùng bị chúa Hiền Vương trục xuất, Alexandre de Rhodes trở về Roma với gia tài tiếng Việt tích lũy hai mươi năm, cùng với cuốn từ điển tiếng Việt của linh mục Gaspar do Amaral và cuốn từ điển tiếng Bồ của linh mục Antonio Barbosa, âm thầm đóng cửa phòng để miệt mài tạo nên kiệt tác *Từ điển Việt - Bồ - La*. In xong cuốn đại từ điển đầu tiên cho người Việt, ông dâng lời khấn cầu muốn được trở lại Đại Việt, nhưng giáo hội khuyên ông đến Isfahan, để tiếp tục công việc truyền đạo.

Isfahan bấy giờ đang là tân đô lộng lẫy của đế chế Ba Tư, triều đại Safavid, một triều đại dung hòa giữa các tôn giáo, đạo Hồi và đạo Kito cùng được song hành. Trong môi trường làm việc và truyền bá đức tin đạo Kito chắc dễ dàng hơn ở Đại Việt, nhưng có lẽ không phải là mảnh đất của Alexandre de Rhodes, nên chỉ năm năm sau ông buồn đau, bệnh tật và qua đời (1660). Các con chiến người Armenia đã an táng và khắc bia mộ ông trong nghĩa trang của dân tộc mình ở ngoại ô thành phố.

Ba trăm bảy mươi tám năm qua, không một người Việt nào biết cha Alexandre de Rhodes đã nằm đó. Cho tới một ngày...

<http://vanviet.info/van/ghi-nho-mot-tram-nam-chu-quooc-ngu-1919-2019-nguoc-nguon-chu-viet-ky-2/>
11 Tháng Một, 2019

Kỳ 2

III. NGƯỜI TIỀN TRAM

Có lẽ, người Việt Nam đầu tiên tìm được mộ cha Alexandre de Rhodes là một ông già tóc bạc húi cua, gần tám mươi, nhưng vóc dáng, cử chỉ, hát xướng đôi khi các trai tơ còn khó vượt. Đó là một người Việt có quốc tịch Bỉ, giáo sư Nguyễn Đăng Hưng, từng có hơn bốn mươi năm giảng dạy tại trường đại học Liège, với lĩnh vực cơ học vật rắn biến dạng, chuyên ngành cơ học tính toán, từng là chủ nhiệm bộ môn cơ học phá hủy thuộc khoa học kỹ thuật hàng không không gian, đại học Liège. Từ năm 1976, giáo sư Hưng đã có nguyện vọng về hợp tác với các trường đại học, các nhà khoa học Việt Nam trong việc đào tạo nhân lực bậc cao để phát triển đất nước. Năm 2006, nghỉ hưu, giáo sư Nguyễn Đăng Hưng về sống tại Việt Nam, tham gia giảng dạy

và liên kết với các trường đại học ở Tây Âu đào tạo nhiều thạc sỹ, tiến sỹ cho các trường đại học TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội.

Hình như chính ông phó giáo sư BH, người bị mạng xã hội ném đá tới tấp vì chuyện cải tiến (hay cải lùi?) chữ Quốc ngữ, là duyên cớ để giáo sư Nguyễn Đăng Hưng quyết chí sang Iran.

– Đang yên đang lành, cái chương trình cải tiến chữ Quốc ngữ của ông BH khiến tôi buồn cả tháng trời. – GS Nguyễn Đăng Hưng bộc bạch – Một người làm khoa học tự nhiên như tôi, hà cớ gì phải quá bận lòng với những vấn đề xã hội. Tôi tự nhủ và cố gạt đi. Nhưng không nổi. Tôi nghĩ, chữ quốc ngữ còn có những điều cần cải tiến, như có nên thay PH bằng F, D bằng Z, hoặc có nên đưa F, J, Z, W, vào bảng chữ cái hay không..., nhưng kiểu làm của ông BH thì không thể được. Chắc chắn có một thể lực nào đó hậu thuẫn cho ông BH, muốn đảo lộn tất cả, muốn xóa bỏ thành quả trăm năm của chữ Quốc ngữ... Nếu cứ nhốt mình trong phòng để bấm iphone cãi nhau với ông BH trên mạng có khi mình phát điên. Tôi nghĩ, thiết thực nhất là chúng ta cần tìm cách nào đó vinh danh tiếng Việt, bảo vệ chữ Quốc ngữ.

Thế rồi trong dịp sang Bỉ nghỉ hè cùng vợ con, tháng 5 năm 2018, giáo sư Hưng gặp lại người bạn cũ, một nhà khoa học Iran. Sau khi được chỉ dẫn, cho những lời khuyên và giới thiệu một vài người cần gặp, giáo sư Hưng bỏ tiền túi mua vé bay sang Teheran.

Chao ôi, đi tìm ngôi mộ cổ của một ông linh mục thuộc tòa thánh Vatican truyền đạo ở xứ sở đạo Hồi, chết cách đây 358 năm, thật quá chuyện mò kim đáy biển. Rất may, như có thể giới tâm linh mách bảo, một người bạn ở thủ đô Teheran đã giới thiệu cho giáo sư Hưng một hướng dẫn viên du lịch thượng hạng, ông Hojat Sadeqzadeh, đang sống cùng gia đình ở Isfahan. Ông Hojat, chỉ thiếu một chút chiều cao, vài ba centimet, chắc chắn sẽ không làm nghề hướng dẫn viên du lịch mà sẽ làm người mẫu, ngôi sao, hái ra tiền. Nhìn gương mặt tuổi tráng niên mà vẫn đẹp như hình mẫu của nhà điêu khắc Auguste Rodin với bộ râu quai nón xanh rì, sống mũi thẳng, đôi mắt sâu trầm ám mà cương nghị, khiến giáo sư Hưng nghĩ tới bóng dáng của Chúa Jesus Christ. Và ông hoàn toàn yên tâm. Việc đầu tiên là phải tìm ra ngôi mộ của cha Alexandre de Rhodes. Khác ở Việt Nam, nghĩa địa là thành phố của người chết, có khi nguy nga hoành tráng chẳng kém gì thành phố của người sống, ở Iran, đi cả ngày trời cũng không tìm ra một nghĩa địa. Các nghĩa trang nằm lẫn trong rừng cây, khiêm nhường như những bãi đá phơi trên mặt đất, u tịch và hoang liêu như chính cõi vĩnh hằng. Và ông Hojat người bản địa, thông thuộc thành phố như lòng bàn tay, không khó khăn gì, chỉ nửa giờ sau, đã tìm ra nghĩa trang của người Armenia theo đạo Thiên Chúa ở ngoại ô Isfahan.

Đi qua trường đại học Isfahan chừng mười phút thì đến khu nghĩa địa Armenia. San sát, ngổn ngang mộ đá nằm dưới bóng thông, thông trồng dọc đường vào từng khu nghĩa địa, thông mọc thành rừng, chen trong các hàng mộ, trên một không gian rộng chừng vài hecta. Giống như hầu hết những nghĩa địa của xứ này, mộ chỉ nhô trên mặt đất chừng hai gang tay, như những chiếc quan tài đá, hoặc là những tấm đá, phiến đá, to nhỏ, dài ngắn tùy theo sự giàu nghèo, thứ bậc. Ở khu mộ cổ, thời gian đã làm vị trí các mộ xô lệch, trời sụt không theo hàng lối, nhiều tầng đá xô chồng lên nhau, bị vùi trong đất, hoặc bị vỡ, bị mòn vẹt hết chữ.

Khi ông Hojat cùng người trông coi nghĩa trang từ nhà quản trang dẫn giáo sư Hưng đi về phía khu mộ cổ, tìm ông có lúc tưởng chừng như thất lạc. Ông ngỡ như sắp được gặp một người thân thiết trong dòng tộc của mình.

– Đây, đây là mộ của cha Alexandre de Rhodes mà giáo sư muốn tìm.

Giáo sư Hưng sà xuống, áp cả hai bàn tay lên khối đá màu xám tro, đã được gió và cát và thời gian mài mòn, kích thước như một chiếc quan tài ở Việt Nam. Có những dòng chữ, nhưng mờ quá, không thể đọc được.

Người quản trang cùng ông Hojat xách nước tưới lên mộ đá và dùng khăn lau rửa bụi. Nước khô đến đâu, những chữ Latin hiện ra đến đó. *“Nơi đây yên nghỉ Linh mục Alexandre de Rhodes... Đã tạ thế tại Isfahan ngày 5 tháng 11 năm 1660.”*

Không còn nghi ngờ gì nữa rồi. Gần bốn thế kỷ trôi đi, người có công to lớn khai sinh ra chữ Quốc ngữ, vẫn nằm đây một mình. Không thể tả nổi tâm trạng giáo sư Hưng lúc đó. Ông là một cá thể, nhưng dường như là tất cả. Một kế hoạch ngay lập tức được ông phác trong đầu. Ông không thể đến đây như một kẻ hành hương suông, một kẻ tri ân tầm phào, đặt một bó hoa, thắp một nén hương rồi tềch về xứ sở. Ông phải có bổn phận, có nghĩa vụ. Ngay hôm đó, giáo sư Nguyễn Đăng Hưng bàn với ông Hojat tìm cách gặp các nhà chức trách, từ khu nghĩa trang, đến giáo phận nhà thờ, chính quyền thành phố, thậm chí Bộ Văn hóa quốc gia... để tìm cách được sửa sang lại mộ, đặt bia tưởng niệm cho cha Alexandre de Rhodes. Nếu ở Việt Nam, công việc phức tạp và rườm rà đó chắc chắn sẽ phải mất vài tháng trời. Người ta sẽ đùn đẩy từ phòng này sang ban kia, sẽ cất vấn anh là ai, giấy tờ đâu, có quan hệ gì với người dưới mộ? Tại sao muốn làm việc này? Có ý đồ chính trị gì không? Nhà nước của ông có cho phép ông chưa? Người ta sẽ điện về Đại sứ quán ở Teheran, và tất nhiên đại sứ quán không thể trả lời, phải điện về nước xin chỉ thị trung ương... Chỉ nghĩ đến mớ chằng chịt ấy đã rã rời, chẳng thiết làm gì. Vậy mà, lại như có tâm linh dẫn dắt, giáo sư Hưng chỉ phải gặp vài ba nơi, như nhà thờ, sở Xây dựng, sở Văn hóa thành phố..., mà chẳng phải quà cáp, phong bì lót tay gì, đến đâu cũng hanh thông.

IV. ĐOÀN HÀNH HƯƠNG

Như được trao một sứ mệnh, giáo sư Hưng lặng lẽ đề ra một chương trình hành động. Ông thiết kế hai tấm bia để ghi danh cha Alexandre de Rhodes bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Iran và nhờ thợ khắc đá đặt ngay dọc chiều dài của mộ đá. Tấm bia quan trọng nhất, đặt ở đầu phần mộ, sẽ phải làm tại Việt Nam và do chính những người Việt mang tới bằng tất cả tấm lòng thành kính của mình. Từ năm 1975, giáo sư Hưng có nhiều bạn, nhất là những vị có tiếng tăm, từng làm trong guồng máy nhà nước, nhiều bạn bè xứ Quảng quê hương ông, nơi phát tích đầu tiên của chữ Quốc Ngữ. Nghe trình bày dự định của ông, hầu như ai cũng tán đồng. Thế rồi Viện vinh danh chữ Quốc ngữ và Bảo tồn tiếng Việt của Đại học Duy Tân, Đà Nẵng được thành lập, do giáo sư Nguyễn Đăng Hưng làm viện trưởng. Một chương trình hành hương sang Isfahan để lập bia tưởng niệm cha Alexandre de Rhodes được tổ chức, với nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, tự đóng góp tài chính. Trong nửa tháng, tour du lịch đầu tiên tới Iran của chi nhánh Saigontourist tại Đà Nẵng đã kín khách đăng ký.

Công việc quan trọng đầu tiên là phải thiết kế một tấm bia vinh danh cha Alexandre de Rhodes, có hình ảnh ngài, có chữ Việt, chữ Latin, chữ Iran bằng thứ đá hoa cương Quảng Nam, do những người thợ đá trứ danh Đà Nẵng tạo tác. Có ngay một Mạnh

thường quân xin giấu tên cung tiến. Gian nan nhất sẽ là việc đóng kiện và vận chuyển bảo vật công kênh nặng hàng mấy tạ này để đến xứ sở Ba Tư mà không có thám bay thần kỳ.

Sáu tháng sau, vào ngày 1 tháng 11 năm 2018, cùng giáo sư Nguyễn Đăng Hưng còn có thêm mười chín con dân Việt Nam nữa, tám nữ, mười một nam, thuộc đủ thành phần, lứa tuổi, xuất phát từ sân bay Tân Sơn Nhất, quá giang qua Hà Nội, sang Istanbul.

Trong đoàn có một nhà sử học, đúng hơn là nhà khảo cổ học: tiến sỹ Nguyễn Thị Hậu, hiện là phó tổng biên tập tạp chí *Xưa và Nay* lừng danh. Có lẽ công việc khảo cổ ở xứ sở Ba Tư, nếu có liên quan đến việc xác định xương cốt của người quá cố cách đây hơn ba trăm năm, sẽ không xảy ra. Nhưng rất cần những chứng cứ, những dấu mốc liên quan đến quá khứ mà chỉ có lịch sử mới đủ khả năng minh định. Có hai nhà nhiếp ảnh và quay phim quan trọng được mời đi trong đoàn. Nhà nhiếp ảnh Việt Kiều Nguyễn Văn Tâm và nhà nhiếp ảnh kiêm quay phim trẻ Huỳnh Văn Truyền.

Vợ chồng anh Tâm người Sài Gòn, theo đạo gốc. Khi đã thân quen rồi, anh mới hé lộ một khoảng đời khó quên, ấy là thời kỳ trước năm 1975, anh từng là lính kỹ thuật trong hải quân Việt Nam Cộng Hòa. Chính anh đã tham gia cùng với các sĩ quan kỹ thuật trong hạm đội hải quân gồm các tuần dương hạm Lý Thường Kiệt, hộ tống hạm Nhật Tảo, khu trục hạm Trần Khánh Dư, tuần dương hạm Trần Bình Trọng... trong trận bảo vệ Hoàng Sa từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 1 năm 1974. Vì là lính am hiểu kỹ thuật, sau năm 1975 anh được trọng dụng, tiếp tục phục vụ cho đến khi nghỉ hưu. Niềm đam mê nhiếp ảnh đã cho anh đi khắp các nẻo đường đất nước. Chính anh, và có lần cả chị Thu vợ anh, đã chín lần đi phượt lên đỉnh Phanxippan để săn mây. Anh bảo, có lần gần lên đến nóc nhà nước Việt thì bị mưa tuyết, thức ăn mang theo gần cạn, cả đoàn tưởng không thể trở về... Trước chuyến đi này, vợ chồng anh Tâm đã tìm đến nhà thờ Măng Lăng ở Phú Yên, xin với cha xứ cho xem báu vật "*Phép giảng tám ngày*" rồi nài nỉ xin được photo lại, đóng thành quyển mang sang Iran để trình trước mộ cha Alexandre de Rhodes và xin mọi thành viên trong đoàn ký ngay tại mộ để làm kỷ niệm chuyến đi để đời.

Nhà nhiếp ảnh trẻ Huỳnh Văn Truyền là một bí ẩn, mà sau này mọi người mới phát hiện ra và thốt lên Eureka! Truyền vốn là một nhà kinh doanh. Anh từng thành lập một doanh nghiệp, lương tháng vài bốn chục triệu. Nhưng quá say mê nghệ thuật thứ bảy, anh bỏ nghề, mua máy quay, máy ảnh, để thỏa lòng đam mê. Tại Hội nghị APEC 2017 tại Đà Nẵng, anh là một tay máy được đặc cách mời vào bộ phận truyền thông, và đã ghi nhiều dấu ấn với những thước phim, những khuôn hình đầy ấn tượng. Mùa băng tuyết nào ở Mẫu Sơn, ở Sa Pa, anh đều vác máy lặn lộn trong giá rét để săn ảnh hàng tuần. Trước khi sang Iran anh đã kịp gửi những bức ảnh tâm đắc nhất trong năm tham dự cuộc triển lãm ảnh Quốc gia năm 2018 tại Hà Nội. Và, anh không thể ngờ, bộ ảnh Hạ Long của anh, với những góc nhìn mới lạ, với bố cục độc đáo được chiếu rọi bởi thứ ánh sáng thần tiên của biển trời Đông Bắc, ngay trong thời gian Truyền ở xứ sở Ba Tư đã đoạt huy chương vàng, khẳng định tay máy của một tài năng trẻ.

Có hai hành khách trong đoàn lên từ ga Nội Bài. Đó là người đẹp Nguyễn Thu Hà thuộc Trung tâm Bưu điện Hà Nội và nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toán. Trong giới văn chương, báo chí hầu như rất ít người không biết đến Nguyễn Đình Toán, một tay máy thượng thặng, tất nhiên, nhưng còn là một nghệ sỹ thứ thiệt say mê nghệ thuật nhiếp ảnh đến tận cùng, một ham mê định mệnh, phi lợi nhuận. Ngay từ năm 1965, khi còn làm pháo thủ số 2, số 3 pháo 100 ly của trung đoàn 261 phòng không Hà Nội, từng đặt bệ pháo bên hồ Trúc Bạch để săn máy bay Mỹ, chàng tân binh Nguyễn Đình Toán đã mơ ước có được một chiếc máy ảnh như phóng viên quân đội Đoàn Công Tính đang nổi như cồn ngày đó. Ông yêu khẩu pháo đã gắn bó phần đời trai trẻ của mình, tới mức, ngày Bảo tàng Phòng không Không quân được thành lập, đến thăm, nhìn thấy khẩu 100 ly, ký hiệu viết bằng chữ Nga MBI (N ngược) 1263 M2, ông nhận ra ngay. Hệt như nó là đứa con, người bạn thân thiết máu thịt của đời mình. Những vết bom bi trên thân pháo kia thì đúng rồi, nhưng còn những vết xi kia, vết rách ở lớp kia thì không phải, đó là những vết tôn tạo. Trong nghệ thuật nhiếp ảnh, mà khoảng khắc thời gian, giới hạn không gian là tiêu chí sự thật quan trọng ngang với bố cục, góc nhìn của nhà nghệ sỹ, thì điều sắp đặt kia là sự phản nghệ thuật... Không có bức ảnh nào của Nguyễn Đình Toán chụp con tuần mã 100 ly của ông ngày ấy, nhưng ông đã chụp nó bằng trái tim, tâm hồn. Năm 1993 Nguyễn Đình Toán xuất ngũ với quân hàm đại úy. Và từ đó ông là tay máy chuyên nghiệp không biên chế của một cơ quan nào. Cầm máy không lương. Nhuận ảnh không đủ mua phim Kodak, phim Orvo, càng không đủ tiền để in tráng. Nhưng không có một sự kiện văn hóa văn nghệ nào vắng mặt ông. Không có một gương mặt ấn tượng của văn nghệ sỹ nào của Hà Nội (và cả nước) không được ông ghi lại. Càng những tài năng bị khuất lấp, những số phận chông chênh, chìm nổi càng được ông nâng niu từng khuôn hình. Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Hữu Đăng, Phùng Quán, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Ngọc... đã trở thành đặc sản của nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toán.

V. XỨ SỞ NGHÌN LỀ MỘT ĐÊM

Du khách có tiền nhưng đến được Iran cũng không dễ dàng gì. Đất nước Hồi giáo dòng Shia này có diện tích rộng tới 1,7 triệu km² với dân số khoảng 85 triệu người, vẫn luôn là một góc thế giới bí ẩn. Hãng hàng không quốc gia Việt Nam chưa thiết lập đường bay đến xứ sở Ba Tư. Đến như hãng du lịch nổi tiếng, Saigontourist, cũng chưa mở tour đến Teheran. Nước Mỹ thù ghét Iran đến mức, nếu visa của du khách có đóng dấu Iran, sẽ không được cấp thị thực vào bất cứ nơi nào của Hoa Kỳ. Riêng điều này đã làm những người sau này muốn đến Mỹ nản lòng. Biết nguyện vọng của nhóm người Việt muốn đến lập bia mộ cha Alexandre de Rhodes, chi nhánh Saigontourist ở Đà Nẵng đã nhanh nhạy hợp tác như một cơ hội mở một hành trình du lịch mới. Tổng công ty ở Sài Gòn cử ngay hướng dẫn viên cũ khôi Nguyễn Trọng Tiến, người từng thông thạo thị trường Trung Đông và có kiến thức sâu rộng về lịch sử, địa lý, văn hóa vùng lãnh thổ kì bí và khốc liệt này làm hướng dẫn viên trưởng. (Thật đau xót và thương tiếc, chỉ sau chuyến đi này một tháng tám ngày, ngày 28 tháng 12 năm 2018, Nguyễn Trọng Tiến dẫn đầu đoàn du khách Việt Nam sang Ai Cập, trên đường đến tháp Ghiza, thủ đô Cai Rô, đoàn đã bị bọn khủng bố đánh bom, Tiến và hai người Việt Nam thiệt mạng. Một tổn thất lớn cho Saigontourist, cho những người thân. Tiến còn rất trẻ, chưa lập gia đình, còn nhiều dự định và hứa hẹn ở phía trước). Ba thành viên trẻ tuổi nữa: Nguyễn Mai Phương, Hồ Vũ Hiếu và Trịnh Hoài Nguyên ở Đà Nẵng, ai cũng thành thạo tiếng Anh, từng một mình dẫn khách đi nhiều tour trên thế giới, và đặc biệt nhiệt tình năng động, thậm chí kiêm cứu vãn, shopping cho đoàn. Ngay từ máy thăng trước, khi đoàn hành hương chuẩn bị thành lập, nhóm hướng dẫn viên Saigontourist đã trực tiếp làm việc với Đại sứ quán Iran tại Hà Nội. Phía Iran giang cả hai tay chào đón. Thì ra đất nước tưởng khép kín vì muốn quay lưng với thế giới, vì những khuôn phép của đạo Hồi, lại hồ hởi mở cửa đón bạn bè Việt Nam. Thay vì cấp thị thực vào hộ chiếu, nhà nước Iran có sáng kiến làm cho mỗi thành viên một tấm visa riêng biệt,

chẳng có dấu tích gì khi mai kia anh muốn sang chơi hay làm ăn với ông kể phía bên kia Thái Bình Dương luôn kì thị và cấm vận họ.

Hai mươi con dân Việt Nam lập một tour đặc biệt, không cần bầu bán, tự nguyện gọi giáo sư Nguyễn Đăng Hưng là thầy, tôn ông làm trưởng đoàn, với lá cờ xanh của Saigontourist dẫn đường, khởi hành tại sân bay Tân Sơn Nhất 6 giờ chiều 1/11 trên chuyến bay 0168 (nhất lộ phát) của Turkish Airlines, bay quá giang ra Nội Bài đón thêm khách rồi ngay trong đêm cuời mây đạp gió sang Istanbul. Có thể nói đây là tour khai mở. Bởi sau này, không nhất thiết phải mua đường (không) như thế. Có thể bay Việt Nam – Dubai, rồi tạt sang Teheran, hoặc đến thẳng Isfahan sẽ gần hơn, rút ngắn được vài ngàn cây số. Nhưng nhà tổ chức chuyến đi – phóng viên báo Lao Động thường trú tại Đà Nẵng, Nguyễn Bích Thủy và Saigontourist đã tính hết rồi. Hãng hàng không Turkish là một bạn hàng truyền thống, giá phải chăng và dịch vụ chẳng thể phàn nàn.

Được ngồi cạnh Nguyễn Đình Toán trên khoang máy bay xuất ngoại, tôi mừng quá. Chúng tôi từng công tác với nhau mười năm ở báo Văn Nghệ (1987 -1997). Nguyễn Đình Toán là phóng viên hợp đồng, lương 300.000đ một tháng. Ngày lễ, ngày Tết mọi cán bộ chúng tôi được thưởng 500.000đ, hoặc 1.000.000đ, ông vẫn 300.000đ. Để vợ khỏi nghĩ mình bất tài không được trọng dụng, ông lặng lẽ bỏ thêm 200.000đ, 700.000đ vào phong bì để bằng chúng tôi, rồi về đưa tặng vợ... Những nhà văn, nghệ sỹ được ông chụp chân dung, được ông in tráng ảnh và tận tay đem tặng, nhưng không bao giờ ông lấy tiền. Bao nhiêu tiền nhuận ảnh của các báo, ông đều dành để mua phim, mua giấy, trang bị cho phòng tối..., công việc tái đầu tư ấy kết quả là cả một gian nhà phim ảnh chồng chất mấy mươi năm...

– Ông có biết không, đây là lần đầu tiên tôi xuất ngoại đấy – Ngồi yên vị cạnh tôi rồi, Toán mới thì thầm – Mà lại xuất ngoại bằng tiền 50 triệu của một người bạn tài trợ mới oách chứ. Họ chuyển tiền qua tài khoản cho tôi, muốn đích thân tôi đi chuyến này...

Tôi biết, trong chuyến đi này, có hai người được nhận tiền tài trợ. Một nhà doanh nghiệp hảo tâm ở Vũng Tàu, yêu văn hóa, văn chương, mần tài danh những văn nghệ sỹ có tâm với đất nước, đã bỏ ra 75 triệu, 50 triệu tặng nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toán, 25 triệu tặng nhà quay phim trẻ Huỳnh Văn Truyền, người cùng đi trong đoàn.

Tôi quay nhìn ông tròn mắt, tưởng nghe nhầm:

– Sao? Năm nay ông 72 tuổi rồi. Bây giờ mới ra nước ngoài?

– Thế đấy ông ạ. Gần hết cuộc đời mới được nhìn thấy thế giới. Vậy mà cách đây nửa tháng, tưởng không thể đi được, tôi đã hủy vé. Đầu tuần vừa rồi, quyết định đi, bị hãng hàng không phạt, bắt đóng thêm năm triệu.

– Đã có người tài trợ, mà sao cứ phải kéo pháo ra kéo pháo vào?

– Tôi ao ước được đi chuyến này, nên đã nhận lời, làm thủ tục xin visa và đóng tiền mua vé. Nhưng đúng lúc ấy, vợ tôi quyết định phá dỡ nhà cũ, xây lại. Một đại tá bác sỹ quân y cỡ như vợ tôi mà lúc nghỉ hưu rồi mới tích cóp đủ tiền xây nhà đấy ông ơi. Tôi chỉ suốt đời ăn bám vợ. Đúng lúc vợ con cần mình làm công việc thô mộc, lại vác máy dong chơi, thì nhần tâm quá. Nhưng đáng lo nhất là cái kho phim ảnh. Mười bao tải. Đã lâu cất trong kho, bây giờ dỡ ra, nhiều cuộn phim và các tập ảnh đóng cục lại. Sợ khi mình dong chơi ở Iran thì vợ nó bực mình, vứt đi. Thế là lại không dám đi nữa...

– Nghe nói nhà tài trợ sẵn sàng bỏ mười triệu nữa để ông thuê nhà kho cất phim, ảnh, cho đến khi đi Iran về.

– Vâng. Mấy ông bạn văn chương đến ép mình như ép quân dịch. Họ bảo mình đi lần này như một sứ mệnh lịch sử...

Vui chuyện, Nguyễn Đình Toán kể: Thực ra đời ông đã có một lần ra nước ngoài. Đó là lần được đi cùng nhạc sỹ Nguyễn Trọng Tạo sang Lào cách đây gần hai mươi năm. Nhưng lần ấy hai đứa chỉ bước qua cửa khẩu Cầu Treo, Hà Tĩnh. Phía bộ đội biên phòng nước bạn mời sang giao lưu văn nghệ một đêm... Rồi mười năm trước, năm 2008, một doanh nhân người Việt làm ăn ở Đức mời sang thủ đô Berlin dự lễ hội bia. Đây, cuốn hộ chiếu này đây. Làm để đi Đức đấy. Ông mở cuốn sổ bia xanh, vẫn còn như mới. Bức ảnh hộ chiếu trẻ trung, tóc đen ánh chữ không phải ông già tóc bạc bây giờ. Toán cười chua chát: Chuyến đi Đức ấy tôi háo hức lắm. Hộ chiếu, visa có rồi. Đã mua vé rồi, ba ngày nữa là bay. Vậy mà sáng hôm đó, đang đi xe máy đến nơi chụp ảnh, thì một thanh niên từ trong ngõ phóng ra, tông vào xe mình. Chiếc xe bị bẹp, còn mình gãy chân, phải vào viện ba tháng ông ạ... Cũng may mà cái sổ hộ chiếu này chưa hết hạn. Và lần này thì không ai làm mình gãy chân...

Nhiếp ảnh gia nghiêng sang tôi cả cười.

Tiếng cười hồn nhiên và vô tư khiến cô gái Thổ Nhĩ Kỳ ở hàng ghế bên khế liếc nhìn ông, như nhìn một chàng trai lần đầu trong đời được bay ra ngoài xứ sở.

VI. TỪ TEHERAN ĐẾN SHIRAZ

Qua một đêm ngủ vật vờ trên máy bay, lại transit ở Istanbul năm giờ đồng hồ, rồi lại lên máy bay hãng Turkish bay ngược lại năm giờ nữa, khoảng hai giờ chiều hôm sau thì đến sân bay Imam Khomeini, Teheran.

Không tấp nập như Istanbul, nhưng Khomeini là một sân bay bề thế, to đẹp. San sát máy bay mang sắc cờ ba màu xanh trắng đỏ có chữ tượng hình thánh Allah ở giữa. Khắp tứ bề đại sảnh dẫn vào cửa nhập cảnh là những tấm ảnh khổ lớn vị lãnh tụ Khomeini, bức cười, bức nghiêm nghị, bức kêu gọi tiến lên. Chợt lạnh gáy khi nhớ tới một thời... Ở phía hông sảnh lớn, nơi khách chờ làm thủ tục nhập cảnh có một chiếc xe mùi trần giống như xe Zjeep, nhưng mẫu mã đặc biệt. Cả ba nhà nhiếp ảnh trong đoàn: Nguyễn Đình Toán, Nguyễn Văn Tâm, Huỳnh Văn Truyền đều tháo ống kính máy chuyên dùng, sầm sầm tiến lại chụp. Lập tức một vệ binh mũ ca nô đồ tiến lại ra hiệu không được quay chụp, không được lại gần. Chúng tôi đồ rằng chiếc xe này là một hiện vật đặc biệt của vị thống soái trong cuộc cách mạng Hồi giáo 1979 lật đổ chế độ quân chủ Pahlavi lập nên nhà nước Hồi giáo Iran hiện đại, hoặc là chiến lợi phẩm trong cuộc chiến tám năm tàn khốc (1980-1988) với chính quyền độc tài Addam Hussein của Iraq. Thì ra chỉ qua khung cửa kiểm tra kia là bước vào một đất nước kỳ bí, chẳng kém gì Bắc Triều Tiên bí ẩn. Tôi chợt nhớ lời dặn và vẻ mặt trang nghiêm của một người bạn khi tôi rời Hà Nội: Sang bên đó phải cẩn thận, một bên là Afghanistan, một bên là Iraq, Syria. Bất cóc, khủng bố là chuyện thường ngày ở huyện. Nghe mà hãi, định bỏ cuộc. Quả thật, nhìn quanh, ai cũng có vẻ trang nghiêm, khép nép. Những người đàn bà áo đen choàng kín chân, khăn đen bịt kín mặt, chỉ hở đôi mắt to hun hút. Không ai nhắc, cả đoàn đều bám sát theo nhau. Lạc nhau giữa thế giới Hồi giáo này chỉ có trời tim, bởi không thể đọc nổi những dòng chữ như lửa cháy, như khói hương kia, bởi tất cả các máy điện thoại đều thành cục gạch. Ngay

cả khi một vài người bỏ ra mười đô la mua *simcard* lắp vào máy, mạng Google, Facebook, Messenger, Zalo... cũng vô tác dụng. Mấy người bạn mách tôi cài WhatsApp trước khi sang đây, cũng chẳng thấy tín hiệu gì.

Đoàn đã vào hết phòng chờ, bỗng thấy anh Nguyễn Văn Tâm hốt hải đi tìm vợ. Chi Hồ Nguyệt Thu, từ lúc xuống sân bay Istanbul đã mệt lả, nhưng vẫn cố bám theo chồng. Nhưng khi vào cửa hải quan, nam đi cửa riêng, nữ khám cửa riêng, thì anh mất hút vợ. Mấy chàng trai trẻ vừa khuôn kiện hàng đặc biệt bằng đá hoa cương Quảng Nam ra phòng chờ để chuyển ra ô tô còn đang chờ đóc, rồi cả anh chàng cao khều Emad con trai ông Hojat, do ông phái từ Isfahan đến đón đoàn, cùng bữa đi tìm. Thế mới biết chế độ sử dụng điện thoại ở Việt Nam mình khi chưa có luật ANM còn thoải mái hơn khối nước. Bấm một phát biết ngay chị Thu đang ở đâu. Nhưng giờ này, ở xứ này, đành bó tay chăm com. Nhìn gương mặt anh Tâm, thấy đã bắt đầu hoảng loạn. Chỉ còn ít phút nữa, đoàn phải di chuyển ra phi trường nội địa bay tiếp về Shiraz. Không thể để lỡ công việc đã chuẩn bị hàng tháng trời...

Rất may, có ai đó bỗng phát hiện ra chị Thu đang nằm ngủ ở dãy ghế phía bên kia. Hú vía. Thì ra mệt quá, không đi nổi, chị Thu đã ngã xuống chiếc ghế dài khuất sau cột và thiếp đi. Cả đoàn tưng bừng ra xe buýt đã đặt sẵn, di chuyển sang sân bay Mehrabad.

Có hai tiếng đồng hồ quá giang ở thủ đô. Thời gian này chỉ đủ cho đoàn chiêm ngưỡng một công trình văn hóa kiến trúc tiêu biểu của Teheran. Đó là *Azadi square*, còn gọi là quảng trường Tự Do. Quảng trường rộng vài chục heta, mênh mông cỏ xanh và được bao quanh bởi một bờ hoa hồng trắng tinh khôi miên man nở. Giữa quảng trường là tháp Azadi, được xây bằng 8000 khối đá cẩm thạch trắng, cao 45 mét, vút lên trời xanh. Dưới tòa tháp là cụm kiến trúc ngầm dành cho nhà bảo tàng và khu dịch vụ bán đồ lưu niệm. Đây là công trình kiến trúc vào loại đẹp và độc đáo nhất của Iran hiện đại do kiến trúc sư lừng danh người Iran sáng tạo năm 1971 dưới thời vị vua cuối cùng triều Pahlavi (1925 – 1979) để kỷ niệm 2500 năm nền quân chủ Ba Tư, trước khi bị cuộc cách mạng Hồi giáo khai tử. Nếu Paris có Eiffel, New York có Thần Tự do, Maxkva có điện Kremlin thì Teheran có Azadi square.

Trời ơi, một chốn bồng lai! Hiền Phương reo lên, rồi như một thiếu nữ mười bảy tuổi, mái tóc bạch kim như bay về phía ngọn tháp như một đài lửa đang bò lên từ bốn góc cỏ, thấp sáng từng không. Du khách và dân chúng tràn ngập quảng trường. Ai cũng muốn chụp hình với khách châu Á. Họ tưởng chúng tôi là người Nhật, người Hàn. Khi biết là người Việt Nam, họ đặc biệt thân thiện và yêu mến, ai cũng vẫy tay chào và giơ máy điện thoại xin chụp ảnh.

Lại năm giờ bay đêm. Cho đến 11 giờ tối thì chúng tôi về đến ARG hotel, nằm ở trung tâm thành phố Shiraz, cách Teheran chừng hai nghìn cây số. Tại sao lại bay dọc Iran từ cực bắc xuống nam vượt qua Isfahan để đến Shiraz rồi ngày mai lộn vòng trở lại? Cho đến sáng ngày hôm sau, khi từ trung tâm cổ đô Shiraz, chúng tôi lên chiếc xe bus mới bóc tem, có máy điều hòa, bốn mươi chỗ ngồi rộng rãi có thể ngã nằm khi đi đường mà cha con ông Hojat thuê riêng suốt thời gian phục vụ đoàn, mọi người mới nhận ra ông Hojat và những người thiết kế chương trình tuyệt vời thế nào. Còn hai ngày nữa mới đến giờ G của ngày 5/11/ 2018, ngày giỗ lần thứ 358 cha Alexandre de Rhodes và đặt bia tưởng niệm. Phải có một ngày thư giãn và thăm thú một kỳ quan nào đó của xứ Ba Tư. Thì đây, kỳ quan thứ nhất là Thánh đường Hồng giữa phố cổ Shiraz. Thánh đường xây dựng từ thế kỷ XVII, hầu như còn nguyên vẹn. Bề thế, tinh xảo đến từng mái vòm, ô cửa. Độc đáo nhất là hai dãy nhà cầu nguyện được chọn hướng xây đối diện với hướng mặt trời. Và tất cả các ô cửa kính đều được lắp kính đủ màu sắc và phối màu độc đáo tới mức từ bảy giờ sáng, khi mặt trời lên, ánh nắng xuyên qua ô kính tạo ra muôn ngàn tia màu khúc xạ vào nhà cầu nguyện, đẹp lộng lẫy và lung linh, tưởng như ta đang lọt giữa ống kính vạn hoa bảy sắc cầu vồng. Đứng lúc ấy, tràn ngập không gian, tiếng chuông từ nóc các thánh đường ngân lên, rồi tiếng loa đặt trên các đỉnh tháp âm vang bầu trời: "*Allah là đấng Chúa Trời. Mohamed là thiên sứ của Người...*". Năm lần trong ngày, vào những giờ nhất định, khắp thế giới Hồi giáo đều vang lên chỉ một câu như thế, một giai điệu như thế. Lúc ấy, các con dân của thánh Alla trong các gia đình, các công sở, trường học đều phủ phục hướng về phía thánh địa Mecca ở Saudi Arabia, còn trong nhà thờ, mọi con chiên cũng quỳ gối hướng về vòm cửa, nơi biểu tượng sự hiển linh của Chúa Trời để nguyện cầu. Trong các nhà thờ đạo Hồi không có bất kỳ hình ảnh nào của Chúa. Mỗi thánh đường khi xây dựng, nhà thiết kế phải định vị la bàn, chọn đặt vị trí cửa điện thờ hướng về thánh địa Mecca.

<http://vanviet.info/van/ghi-nho-mot-tram-nam-chu-quooc-ngu-1919-2019-nguoc-nguon-chu-viet-ky-3/>
12 Tháng Một, 2019

Kỳ 3

VII. PERSEPOLIS

Nhưng vĩ đại và choáng ngợp hơn cả là cung điện Persepolis. Chưa đến Shiraz, chưa đến Persepolis, coi như chưa đến Iran. Vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên, khi đế chế Achaemenes thôn tính hầu hết các nước Trung Cận Đông trải từ bờ đồng Địa Trung Hải tới vùng Trung Ấn, Shiraz được chọn làm kinh đô. Suốt từ năm 518 TCN, dưới triều Cyrus đại đế, giữa một vùng núi đá granit màu gan gà, sừng sững mọc lên một cung điện nguy nga tráng lệ, mà nếu ai chưa đến đây, sẽ không thể tưởng tượng nổi. Người Việt mình, nhất là những ai quê Thanh Hóa, từng tự hào có một Thành Nhà Hồ ở Tây Đô. Một thành đá được Hồ Quý Ly cho gấp rút xây từ những năm 1396-1400, với những tảng đá nguyên khối vuông vức hàng hai, ba mét khối, xếp chồng khít lên nhau, đã thấy cha ông mình quá vĩ đại. Nhưng tường thành Tây Đô chỉ cao chừng hai mét. Tường thành ở đây, cũng như vậy, và nhiều khối đá to hơn, nhưng cao gấp nhiều lần. Và kỳ vĩ hơn là trải rộng một không gian hàng trăm ngàn mét vuông, từ sườn núi lên cao mãi là những bậc lên, những quảng trường, cung điện, những công thành với những bậc đá tạc nhân sư, nhân mã như thời Ai Cập cổ đại, cột đá chạm tro hoa văn tinh vi đường kính chừng hai mét, cao chót vót vài ba chục mét. Bây giờ, giữa ngồn ngang những khối đá bị con người và thời gian phá hủy, người ta đang phục chế lại từng phần, nhưng vẫn còn hầu như nguyên vẹn những mảng tường được điêu khắc chạm tro hình ảnh sinh hoạt, ngoại giao, văn hóa... thời cổ đại với một nghệ thuật bậc thầy. Tài năng, sức sáng tạo và công sức của con người ba ngàn năm trước mới kì diệu làm sao...

Đế chế Ba Tư phát triển hùng mạnh nhất là thời Darius đại đế, thế kỷ thứ IV TCN. Vào năm 356 TCN, Alexandros ra đời, để rồi hai mươi năm sau trở thành Alexandros đại đế của đế chế Macedonia của người Hy Lạp. Năm 334 TCN, quân Macedonia do Alexandros chỉ huy tiến đánh Ba Tư, làm cỏ một vùng đất từ Địa Trung Hải sang vùng Lương Hà, chiếm Babylon rồi tiến sang

Persepolis. Trận vượt sông Granios lừng danh vào năm 330 TCN, đội quân bách chiến của Alexandros tiêu diệt 20.000 bộ binh và 2.500 kỵ binh của Darius đại đế mà chỉ mất 34 người! Thành Persepolis nguy nga bị thiêu trụi, lửa cháy hàng tháng trời... Để rồi hai ngàn ba trăm bốn mươi tám (2348) năm sau, chúng tôi đến đây, đặt chân lên những phiến đá còn đắm mồ hôi và máu người, còn nóng rực hơi lửa chiến tranh, và ngỡ ngàng giữa những thành quách đổ nát, mà trầm trở thán phục, mà nuối tiếc, mà kinh hãi trước sức sáng tạo vô biên và sự tàn khốc khủng khiếp của con người...

Giã từ Persepolis, chúng tôi đi dọc đường cao tốc qua trùng trùng núi cần và hoang mạc, lên Isfahan. Bây giờ thì chúng tôi toàn tâm toàn ý cho hai ngày trọng đại sắp tới. Thùng xe biến thành phòng tập hợp xương. Từ lúc nào “nhạc trưởng” Nguyễn Trọng Tiến đã in sẵn cho mỗi người một bản lời bài “*Tình ca*” của nhạc sỹ Phạm Duy.

*“Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời, người ơi.
Mẹ hiền ru những câu xa vời. À ơi, tiếng ru muôn đời...”*

Hai mươi con người, người già nhất 77, người trẻ nhất là con trai nữ bác sĩ Nhữ Phương, chàng sinh viên mới ra trường Trương Hoàng Nhân, 24 tuổi, ai cũng rưng rưng nghĩ về quê mẹ Việt Nam, cùng bật ra từ trái tim những lời thỏn thức.

“... Tôi yêu đất nước tôi, nằm phơi phơi bên bờ biển xanh

Ruộng đồng vun sóng ra Thái Bình

Nhìn trùng dương hát câu no lành...”

“... Tắm áo nâu, những mẹ quê chỉ biết cần lao.

Những trẻ quê bạn với đàn trâu, áo ơi.

Tắm áo nâu, rướn mình đi từ cõi rừng cao.

Đặt diu nhau vào đến Cà Mau, áo ơi...”

Đi xa, càng thêm nhớ về quê Việt. Lời ca và giai điệu thỏn thức lòng người. Cho đến khi đoàn lữ khách ghé vào một trạm nghỉ giữa đường để ăn trưa, thì nỗi nhớ ấy từ trạng thái tình cảm bỗng biến thành sự cồn cào của dạ dày. Ẩm thực của xứ Ba Tư ngày nào cũng giống ngày nào: Cơm hấp khô, bánh mì lát, thịt xay, cá hấp, bắp cải cà rốt trộn xalat,... Thứ gì cũng chua tới mức các nàng thai nghén cũng chào thua, tưởng như họ đổ hàng bát chanh vắt vào mỗi món ăn. Mấy ông quen có vai bia, tí cay mỗi bữa thì sang đây như bị triệt sản. Hầu như không nhà hàng nào bán bia rượu. Có một thứ nước chua có ga có thể thay thế, nhưng thà đừng uống còn hơn. Tối qua tại Shiraz, mấy gã sâu bia gọi mãi, nhà hàng mới xi ra một loại bia cỏ, khi tính tiền mới thấy đáng hơn cả nhân sâm: 10 USD một ly chừng 250 ml! Ngồi xuống mâm tiệc Ba Tư là các nàng lại ngần ngại như nhớ một cái gì. Ai cũng nghĩ đến bát phở bò, phở gà nghi ngút khói. Chao ôi, giờ mà được ăn một tô bún riêu, một bát canh cá với rau điên điển trong mùa nước nổi Nam Bộ, được xi xúp chan húp bát canh cua đồng, được nhìn thỏa mắt một đĩa rau muống luộc xanh ròn... Không còn nghi ngờ gì nữa, ẩm thực Việt Nam nhất thế giới.

Ở Isfahan, chúng tôi có một ngày chuẩn bị cho buổi lễ trọng đại. Đoàn có thêm ông Hojat, bà vợ và hai con trai Emad và Moin. Emad Sadeqzadeh cao kều đang là thạc sỹ công nghệ, mấy ngày qua xin nghỉ việc cơ quan, thay cha dẫn đoàn thăm Shiraz. Moin Sadeqzadeh ngược hẳn anh trai, thanh mảnh thư sinh, từng theo học mười năm âm nhạc ở Istanbul, hát hay như nghệ sỹ, sử dụng thành thạo hai mươi nhạc cụ, đặc biệt là bộ trống truyền thống Iran. Từ đây, những người Iran này đã thực sự hòa nhập cùng đoàn chúng tôi, như một gia đình lớn, chia sẻ và tin cậy.

Phiến đá bia tường niệm từ Quảng Nam, kết tinh hồn sông núi, máu xương xứ Việt đã theo đường không, đường bộ chục ngàn cây số, được các chàng trai, được trưởng đoàn Nguyễn Đăng Hưng và lần lượt từng thành viên trong đoàn, rồi cả gia đình vợ chồng và hai con trai ông Hojat, cả mấy người quản trang, cùng ghé tay chuyển đến phần mộ, để lấp đặt đúng vị trí như đã trú định. Ngôi mộ đá mấy trăm năm bị lãng quên, tưởng như bỗng có linh hồn, như một thổi nam châm, có sức hút và sự liên kết tâm linh kỳ lạ. Ai cũng muốn được chạm tay, được có một tấm hình, có người lặng lẽ gói một nắm cát... Người nằm dưới ngôi mộ đá kia dường như chính là tổ tiên, dòng tộc của nhóm người Việt đột ngột xuất hiện ở nghĩa trang này. Ông là một người Việt tha hương, một người mang dòng máu, tâm hồn Việt, từng và đang ký gửi lại cho họ một thứ gì đó, như báu vật, như khế ước, như hương hỏa...

Dường như mọi công việc chuẩn bị đã hoàn tất. Buổi chiều thần tiên ấy chúng tôi tự thưởng cho mình một chuyến du ngoạn, khám phá con người và văn hóa Iran.

VIII. CỎ ĐỒ ISFAHAN

Isfahan, gần như nằm giữa trung tâm đất nước. Tỉnh Isfahan là một trong 35 đơn vị hành chính của Iran, có dân số khoảng 5 triệu người, thì riêng thành phố Isfahan chiếm 2,5 triệu. Sau thời kỳ bị đế quốc Ottoman (1027-1239), rồi Đế quốc Mông Cổ (1255-1500) cai trị, dưới triều vua Abbas I, đã dời kinh đô về Isfahan. Từ năm 1598 đến 1722, Isfahan trở thành tân đô lộng lẫy nguy nga của triều Safavid, tiêu biểu cho thời kỳ nền văn hóa, nghệ thuật, công nghệ Ba Tư phát triển phồn thịnh. Hầu hết những nghệ nhân tài hoa người Arap, người Aryan, người Do Thái, người Armenia... khắp các nơi được tuyển chọn về đây, tạo thành những làng nghề thủ công tinh xảo và độc đáo. Ngày nay, thị phần (chiếm tới 65%) hàng thủ công mỹ nghệ (gốm sứ, thêu, dệt thảm, đồ gỗ, đồ da, trạm trổ vàng bạc...) của toàn Iran tập trung tại đây. Isfahan được UNESCO công nhận là thành phố truyền thống thủ công mỹ nghệ.

Hết ngạc nhiên này đến thán phục khác, khi cha con ông Hojat dẫn chúng tôi đi từ vườn và cung điện Chehel Sotoun đến quảng trường và khu chợ Naqsh-e Jahan, trái tim của thành phố. Một quảng trường hình chữ nhật, có hai thánh đường mái vòm đối diện, với hồ nước, bãi cỏ, đường xe ngựa... rộng chừng chục hecta, xung quanh được bao bởi bốn “bức tường thành” là liên tiếp những gian hàng cao ba tầng thiết kế giống hệt nhau, bốn phía có nhiều cửa vào chợ, tạo nên mặt tiền khu thương mại. Phía sau bốn dãy mặt tiền là khu chợ liên hoàn phát triển về nhiều phía với cơ man nào là góc ngách, với những mái vòm liên tục, mưa nắng không tới, đủ các chủng loại, từ khu rau quả, thực phẩm, các sạp hoa rực rỡ, khu các loại gia vị, khu thêu các chủng loại, khu vải vóc, quần áo may mặc, dày dép, khu gốm sứ tinh xảo, khu chạm trổ đồ đồng, đồ bạc, vàng, đá quý, khu đồ cổ. Miên man, kỳ lạ... Có điều đặc biệt: người bán hàng hầu hết là đàn ông. Từ ông già râu tóc bạc trắng, đến thanh niên trẻ trai, người nào cũng râu quai nón đen rậm rì, mắt sâu hiền từ và hóm hỉnh. Tưởng như gặp lại anh chàng Ali Baba và những chàng lái buôn thành Babylon, những thương gia sắc màu sắc sỡ cười lạc đà rỗng rấn băng qua sa mạc thuở nào. Họ chào hàng và dẫn dụ khách điệu nghệ và lịch sự còn hơn gái bán hoa. Họ nói thách đến mây xanh, nhưng sẵn sàng

bấm máy tính nhao nháy để giảm cho bạn tới tám mươi phần trăm, khiến khối cô, khối bà nhẹ dạ như bị thôi miên. Có thể mua bằng các loại tiền, đô la, euro, rials (Iran), lira (Thổ Nhĩ Kỳ), ... Hầu như không người đàn ông nào uống bia rượu. Đàn ông ở Iran dường như đã thay đổi giới tính, trừ một khả năng có vú và nuôi con...

Rồi chúng tôi lạc nhau lúc nào không biết, bởi mỗi người, mỗi nhóm bị hút theo những dòng hàng, những ngách chợ riêng. Các bà các cô mãi tìm khăn lụa, quả chà là, ô lưu, nhụy hoa nghệ tây (saffron), một loại đặc sản dùng làm đẹp da phụ nữ và chữa bách bệnh chỉ xứ Ba Tư mới có, mỗi gram giá tới vài trăm USD. Các quý ông, như nhà thơ Mã Lam, doanh nhân Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Văn Tâm, bị hút vào vào các món đồ cổ, các cây đèn Aladdin đủ loại. Nhóm trẻ Saigontourist chỉ thích các loại bánh kẹo, trái cây Trung Đông thơm ngon và rẻ đến bất ngờ.

Tôi thắp từng nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toán đi vào phía sau khu chợ, để khám phá chiều sâu của văn hóa thương mại. Thật bất ngờ, ngay sau dãy tạp hóa, nhà hàng café, là khu sản xuất tại chỗ. San sát những xưởng nhuộm thảm, công nghệ bí truyền của những tấm thảm Ba Tư nổi tiếng nghìn năm. Những người thợ Iran đón tiếp chúng tôi quá ân tình, chỉ cho công nghệ in hoa văn và nhuộm màu với đủ các khuôn mẫu, các quy trình công nghệ. Và trên tầng hai của khu in nhuộm, là khu chạm khắc các đồ mỹ nghệ vàng, bạc, hợp kim. Biết chúng tôi là người Việt, họ nhường hẳn những chiếc ghế đang ngồi chế tác, tự tay pha trà mới, gấp đường vào ly mời khách. Và kia, phòng chế tác dành riêng cho phụ nữ. Các nàng còn mền khách hơn cả đáng mày râu. Những cô gái khăn trùm đen trễ nải mở ra cả gương mặt đồng trinh, với đôi mắt vờ vợi, hun hút, đẹp và quyến rũ hơn cả những thiếu nữ đi dạo ngoài quảng trường. Từng được đi nhiều nước Đông, Tây, tôi đoán chắc rằng, trên thế giới, không đâu trai gái lại đẹp bằng xứ sở Ba Tư này. Đàn ông ai cũng gọi nhớ Ali Baba, còn phụ nữ, người nào cũng xinh đẹp kiêu diễm như nàng Scheherazade. Chỉ nhìn những bàn tay, đã đoán được người. Những bàn tay búp măng trắng muốt nhẹ nhàng dùng búa nhỏ và chày, đục, tạo tác những hoa văn tinh xảo. Nghệ sỹ Nguyễn Đình Toán khi quỳ sát đất, lúc vận mình, lúc dướn cao, bấm liên tục không rời những thao tác, những góc cân dung mà cả đời không nghĩ rằng lại có những khoảng khắc quý giá này. Tôi định chạy xuống gọi thêm mấy tay máy nghiệp dư trong đoàn, nhưng Toán khua tay ngăn lại. Chợt nhớ câu chuyện về nhiếp ảnh gia Võ An Ninh. Có lần ông phực hàng tuần lễ để chụp một dáng cây làm tiền cảnh Tháp Rùa, Hồ Gươm lúc rạng đông. Chụp xong bức ảnh ưng ý nhất của mình, ông sai người cưa cái nhánh cây mà ông đã chụp để không ai có được bức ảnh Tháp Rùa như của ông nữa... Tôi hiểu ý Nguyễn Đình Toán. Ông đã có những bức ảnh thiếu nữ Iran đang chạm khắc mỹ nghệ ở Isfahan độc nhất vô nhị mà không nhà nhiếp ảnh tài ba nào trên thế giới chụp được.

Rồi buổi sáng ngày 5 tháng 11 cũng đến. Trời trong và se lạnh. Nhiệt độ ngoài trời 12 độ C, rất hợp với một nghi lễ trọng đại. Trường đoàn Nguyễn Đăng Hưng vận sắc phục truyền thống, khăn đóng, áo gấm màu vàng ngà. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Văn Tâm quốc phục nhiều tam giang. Những đàn ông khác đều vận complet như các chú rể trước lễ rước dâu. Rồi tám nàng tiên Việt trong bộ áo dài truyền thống đủ màu sắc đột ngột xuất hiện cùng tám chiếc nón lá xứ Huế mộng mơ, khiến mấy cô gái khăn trùm đen ở phòng lễ tân mắt đã to đen càng mở lớn hơn nữa. Và các chàng trai râu rậm bản xứ thì như bị hút hồn. Ba nàng tên Phương: Hiền Phương, Nhữ Phương, Mai Phương chênh lệch nhau đến bốn mươi tuổi mà nhìn tựa tựa chị em. Tiến sĩ lịch sử Nguyễn Thị Hậu lung linh trong tà áo xanh đi cạnh dịch giả Hiếu Tân, tưởng như vị hôn thê. Rồi đôi bạn Thu Hà, Bích Thủy dịu dàng như Thúy Vân, Thúy Kiều. Riêng cặp đôi Đỗ Anh Tuấn và Phạm Thu Thủy vừa như qua đêm tân hôn, cứ dính như sam trên từng cung bậc... Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toán mọi ngày tuềnh toàng như bác xe ôm, sáng nay cũng sừng sừng sinh một bộ véc ca-rô màu cháo lòng, nhưng chiếc túi đen nặng trĩu linh kinh đồ nghề vẫn không thể khiến đôi vai ông cân được. Không thể bỏ lỡ những khoảng khắc lịch sử, nhà nhiếp ảnh bấm hai máy liên tiếp như bắn liên thanh. Kia rồi, ba cặp tình nhân đích thực: Cặp doanh nhân Đỗ Anh Tuấn và Phạm Thu Thủy, cặp Việt kiều Nguyễn Văn Tâm và Hồ Nguyệt Thu, rồi nàng Hiền Phương với gã nhà văn hay cãi... Cưới tập thể cũng không thể vui hơn thế này. Hãy tưởng tượng: Nếu đoàn người Việt lộng lẫy kia ngồi trên những cỗ xe tam mã và cưỡi trên những con lạc đà được phủ trên mình bằng những tấm thảm Ba Tư nhiều sắc màu, điểu qua đường phố Isfahan và băng qua hoang mạc ngoại ô kia, thì sự thế sẽ ra sao? Một cảnh tượng mà Hollywood có hàng núi tiền cũng không thể tạo ra nổi.

IX. GHI CÔNG NGƯỜI, GHI ƠN CHỦ

Nhằm giữa giờ Tỵ (10g), buổi đại lễ đặt bia tưởng niệm tác giả hai bộ sách *Dictionarium Annamiticum, Lusitanum et Latinum*, *Phép giảng tám ngày*, nhân ngày giỗ ông đã được khởi sự với sự tham dự của các ngài đại diện chính quyền thành phố Isfahan, đại diện nhà thờ cộng đồng Armenia, các vị quản trang.

Giáo sư Nguyễn Đăng Hưng, viện trưởng Viện vinh danh chữ Quốc ngữ và Bảo tồn tiếng Việt trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, trưởng đoàn, đọc bài diễn từ nói lên công lao linh mục Alexandre de Rhodes với sự hình thành chữ Quốc ngữ và sự tri ân của các thế hệ người Việt. Tiếp đó là phát biểu của các quan chức thành phố, của đại diện nhà thờ Kitô giáo của người Armenia, phát biểu của tiến sĩ lịch sử Nguyễn Thị Hậu, phát biểu của người viết bài này, ký giả tự nhận của đoàn hành hương. Vất vả nhất là hai ông phó nháy Nguyễn Đình Toán và Nguyễn Văn Tâm, chạy như con thoi, phủ phục các góc để chọn góc máy và ánh sáng đẹp nhất. Đặc biệt là nhà quay phim trẻ Huỳnh Văn Truyền. Trước khi đi anh đã chuẩn bị một máy *flycam* xin để quay từ trên cao, nhưng khi biết bạn không cho phép, đành thay đổi phương án, kỳ công tìm chỗ đặt ba chân máy quay cho ba vị trí, nhờ Emad giữ máy cố định, còn anh sử dụng chiếc máy chuyên dụng liên tục chạy chỗ không để lỡ một cảnh quay đắt giá nào. Những thước phim và những hình ảnh độc nhất vô nhị này sẽ là kho báu cho một bộ phim tư liệu đặc biệt.

Khi tám lụa trắng có hình trống đồng nước Việt phủ mộ được tám kiều nữ, áo dài Việt, nón lá tinh khôi, mở ra, tám đá hoa cương có hình Cha Alexandre de Rhodes bừng sáng dưới nắng rực rỡ, nhạc nền bài "*Tinh ca*" từ băng đĩa ngân lên, dàn đồng ca hai mươi người cùng ngân vang những âm thanh Việt: "*Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời, người ơi... Tiếng nước tôi, bốn ngàn năm ròn rã buồn vui. Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi... Tiếng nước tôi, tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi. Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi...*". Những ngón lệ nhòe giữa câu hát. Mỗi người vừa hát vừa chậm chậm bước lên, đặt một bông hoa hồng, màu đỏ, màu vàng, màu xanh thành ba dòng màu dọc mộ. Cả vợ chồng và hai con trai ông Hojat, cả những người bạn Iran cũng cất lời hát theo và cầm hoa đặt lên mộ.

Có cảm giác như có một vầng mây lành sa xuống, cuốn làn khói hương bay lên. Hẳn người nằm dưới mộ đang biết có một nhóm người Việt đến với ông. Họ đã không quên ông dù đã ba trăm năm mươi tám năm trời... Tôi đứng lặng rất lâu và như có một dòng thời gian với những loạt phim mờ chùng đứt nối, từ xa xưa cuộn lướt trong đầu, tạo nên muôn vàn tình huống, muôn

và giả định. Nếu như không phải đợi đến năm 1919, khi triều đình nhà Nguyễn ra chiếu chỉ học chữ Quốc ngữ toàn nước Việt, mà ngay từ thời chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1620-1687), sau khi bộ từ điển Việt - Bồ - La ra đời, liền ra chiếu cho con dân xứ Đàng Trong của Đại Việt phải thay ngay chữ Nôm, chữ Hán bằng thứ chữ của Cha Alexandre de Rhodes thì tình hình xã hội nước Nam sẽ ra sao nhỉ? Và nếu như bộ tiểu thuyết chương hồi đồ sộ đầu tiên *Việt Nam khai quốc chí truyện*, hay còn gọi là *Nam triều công nghiệp điển chí* của Bảng Trung Nguyễn Khoa Chiêm (tổ phụ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm) viết năm 1689, rồi *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia Văn phái, *Thượng kinh ký sự* của Hải Thượng Lãn Ông (thế kỷ XVII), *Truyện Kiều* của thi hào Nguyễn Du (1765-1820), thơ Hồ Xuân Hương, *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm cùng thời gian ấy, rồi *Lục Vân Tiên* của cụ Đồ Chiểu (1822-1888) và bao nhiêu trước tác giá trị khác... cứ đối chiếu từ điển Việt - Bồ - La mà viết ra, không cần qua chữ Nôm, thì đời sau con cháu đỡ công mà chuyển dịch, nhiều khi tam sao thất bản, và tất nhiên sẽ hay hơn biết bao nhiêu. Giống như trong truyện *Trái tim Danko* của Maxim Gorki, Alexandre de Rhodes và bao đồng đạo của ông, bao con chiên người Việt của ông, đã thấp lửa từ ấy, mà phải hơn hai trăm năm sau những thế hệ người Việt nối tiếp mới nhận ra. Và sẽ thật bất hạnh, nếu như không có những người Việt tiên phong đi đầu, những Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của với sự ra đời của *Gia Định báo* tại Nam Kỳ năm 1865, với những nhà văn đi đầu của dòng văn chương tự sự Nam Bộ, như Nguyễn Trọng Quản với *Truyện thầy Lazaro Phiền* (1887), Trương Vĩnh Ký với *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (1876), rồi ba mươi năm sau, tiếp đến những Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh với sự ra đời của *Đông Dương tạp chí* và *Nam Phong tạp chí* (những năm 1910). Rồi cùng với phong trào *Truyền bá Quốc ngữ*, *Đông Kinh Nghĩa Thực*... một dòng văn chương Việt hiện đại bắt đầu phát lộ từ *Tự lực Văn đoàn*, từ *Thơ Mới* (1932-1945), cho đến văn chương chữ Việt đương đại, nhanh chóng chiếm lĩnh những đỉnh cao và sự toàn bích, đưa ngôn ngữ Việt, văn hóa Việt trở thành vi diệu, có khả năng giao hòa, khuếch tán vào nhân loại.

Đã chính ngộ, mà không ai muốn về. Bãi tha ma cổ xứ Ba Tư đã lưu hơi ám của người Việt. Từ nay, có một người Việt nằm đây, Cha Alexandre de Rhodes. Từ nay có những dòng chữ Việt, lưu khắc tại đây: "*Chữ Việt còn, Tiếng Việt còn, Nước Việt còn*".

Sẽ có người thắc mắc: Tại sao lại đề "*Chữ Việt còn*" lên trên "*Tiếng Việt còn*". Giáo sư Nguyễn Đăng Hưng thổ lộ: Từ lần đi sang Iran tiền trạm, tháng 5 năm 2018, nhiều đêm tôi ít ngủ. Tôi luôn mơ thấy ngài Alexandre de Rhodes về. Ngài chỉ nhìn tôi im lặng. Tôi nghĩ rất nhiều về câu sẽ khắc trên bia tường niệm. Tiếng Việt còn thì đương nhiên rồi. Dân tộc mình trường tồn suốt lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước là nhờ còn bảo tồn và phát triển được tiếng nói. Hơn một nghìn năm các triều đại phương bắc muốn triệt hạ chúng ta về văn hóa, cả vật thể và phi vật thể. Và chúng đã phá hủy biết bao nhiêu... Chỉ riêng tiếng nói của người Việt là chúng không thể đồng hóa nổi. Vì thế nước Việt, người Việt mãi còn. Và từ khi có chữ Quốc ngữ, thì tiếng nói mọi vùng miền càng có cơ hội giao thoa, thống nhất. Như vậy chữ Việt còn, và ngày càng trong sáng, càng phát triển, thì tiếng Việt càng giàu có, phong phú, đa thanh đa sắc...

Vâng. Chữ Việt là chìa khóa vàng để bảo tồn và phát triển tiếng Việt, nhất là tiếng Việt hiện đại của thời đại 4.0 với tốc độ phát triển thông tin, công nghệ vũ bão. Chính vì thế, uống nước phải nhớ tới nguồn. Nơi đây, dưới nắm mộ đá ở Isfahan này, là một nguồn mạch, trong rất nhiều nguồn mạch của nước Việt. Nơi đây sẽ là chốn hành hương của những dòng người Việt trên toàn thế giới, những ai khao khát trở về với cội nguồn, khao khát được nói tiếng Việt, viết chữ Việt.

X. ISTANBUL, NGÃ BA THẾ GIỚI

Hành trình cuối cùng của đoàn chúng tôi là du ngoạn ba ngày ở Istanbul.

Cưỡi "thảm bay" Airbus từ Teheran sang Istanbul, một ngày trời trong, sẽ nhìn thấy dưới cánh máy bay, địa hình biến đổi dần từ hoang mạc khô cằn một màu đất đá gan gà, sang vùng đồi núi loáng thoáng xanh, rồi trập trùng xanh, Và bên phải cánh bay là biển Hắc Hải (Biển Đen) mênh mông tới tít tắp Odessa...

Khởi thủy Istanbul vốn là một hải cảng vùng biển Marmara, trấn ngữ eo Bosforus, huyết mạch dẫn vào biển Hắc Hải. Nước Nga và các nước vùng Ban Căng, vùng Trung Á, muốn ra Địa Trung Hải và đi thế giới, không thể không qua Istanbul. Với địa thế hiểm yếu này, đương nhiên Istanbul phải là một đại pháo đài. Những bức tường thành, nhiều đoạn nay đã đổ nát nhưng vẫn còn được bảo tồn, bao quanh bờ biển là minh chứng cho những cuộc giao tranh đẫm máu diễn ra nhiều thời kỳ.

Lịch sử chiến tranh, luôn gắn liền với những cuộc di dân và thôn tính, giao hòa văn hóa. Người Hy Lạp, La Mã từng ngự trị ở đây từ thời của những bản hùng ca Homer, từ thời Alexandros đại đế và hòa đồng cho tới bây giờ. Không thể ngờ rằng, ở đây, chữ không phải một nước trong thế giới Hồi giáo nào khác, chữ Arap lại được sử dụng sớm nhất. Các thánh đường Hồi giáo từ thời cổ đại còn nguyên vẹn những bản khắc trên đá lời Allah. Nhưng cũng thật kỳ lạ, ngày nay, khắp các đường phố Istanbul, và cả ở thủ đô Ankara, cả ở các thành phố khác trên đất nước Thổ Nhĩ Kỳ, rất hiếm thấy các biển quảng cáo, các thông tin bằng thứ chữ như lửa, như khói của thế giới Arap, mà chỉ thấy các dòng chữ ký tự Latin. Chợt nghĩ tới Việt Nam mình. Hàng nghìn năm bị bó gộp vào bộ chữ tượng hình của người Tàu (dù là chữ Hán hay chữ Nôm), bỗng nhiên vùng thoát, sáng tạo ra chữ Quốc ngữ, để rời từ đầu thế kỷ XIX, khởi phát một phương tiện văn hóa, giáo dục, phát triển khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật... hòa đồng với nhân loại.

Năm 1923, nước Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại được thành lập, do lãnh tụ Mustafa Kemal Atatürk dẫn dắt và là tổng thống đầu tiên của nước Cộng hòa thế tục này. Việc đầu tiên Mustafa Kemal Atatürk làm là cải cách giáo dục, thay đổi chữ viết, đoạn tuyệt với thứ chữ giun đé, chuyển sang hệ chữ Latin. Từ đây, nước Thổ Nhĩ Kỳ ngã nhiều sang màu sắc châu Âu. Cho nên, dù vẫn ghé chân trong thế giới Arap (về mặt tôn giáo, văn hóa, lãnh thổ), nhưng thế chế, lối sống, chữ viết, xu thế... Thổ Nhĩ Kỳ đã thực sự là một quốc gia châu Âu. Chỉ cần Đông Thrae với 3% diện tích cả nước, chỉ cần một nửa thành phố Istanbul thuộc bờ bắc kênh Bosforus, cả nước Thổ Nhĩ Kỳ đã được ăn theo, được coi là một nước châu Âu.

Tới thăm thánh đường Hoja Sophia, một trong nhiều thánh đường Hồi giáo ở Istanbul, mà du khách luôn choáng ngợp, trầm trồ bởi kiến trúc bậc thầy, bởi sự tráng lệ, nguy nga và nghệ thuật điêu khắc hoành tráng, tinh xảo, sẽ thấy sự bảo tồn và hóa giải tuyệt vời giữa Kitô giáo và Hồi giáo như thế nào. Thánh đường được xây dựng từ thế kỷ thứ IV bởi những người Kitô giáo, với những bức tranh chúa Jesus Christ và thánh mẫu Maria trên tường, trên vòm mái. Thế kỷ thứ XIV, người Hồi giáo chiếm lại, nhưng không phá hủy, mà sơn phủ đi, quay lại điện thờ hướng về thánh địa Mecca, khắc ghi những lời của Allah, trở thành một

thánh đường Hồi giáo hoàn hảo. Ngày nay, người ta đã cạo đi một vài mảnh tường, để lộ ra nguyên bản ban đầu, để nói rằng, ở Istanbul, sự hòa hợp của các tôn giáo là một phẩm chất, một ứng xử văn hóa nhân văn.

Cũng tại một trong những bảo tàng lớn ở Istanbul, bảo tàng và cung điện Topkapi Palace, năm 1980, ngài bí thư đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội Makoto Anabuki đã phát hiện ra chiếc bình hoa lam quý giá hình củ tỏi, cao 54 cm được bảo hiểm tới một triệu USD, có ghi dòng chữ: “*Thái Hòa bát niên, Nam Sách châu, tượng nhân Bùi Thị Hý bút*” (Thái Hòa năm thứ 8 – Đời vua Lê Nhân Tông (1450), tượng nhân là Bùi Thị Hý, người châu Nam Sách, lưu bút). Vậy là từ thế kỷ thứ XV, hàng gốm cao cấp Chu Đậu, Nam Sách, Hải Dương của Đại Việt đã vượt trùng dương sang tận vùng viễn tây xa xôi này

Du khách đến thăm Istanbul, luôn thấy mình sống trong một đô thị đa văn hóa. Cả những lữ khách Anh, Mỹ, Nga, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp, cả những du khách các nước Arap, đều thấy Istanbul thân thiết như thành phố quê nhà. Riêng với khách châu Á, nhất là những người Việt, thì luôn thấy choáng ngợp, mỗi nhà thờ, mỗi pháo đài, mỗi con phố, mỗi nhịp cầu đều lạ lẫm, kỳ khu, mới lạ.

Xin đừng bỏ qua những khu chợ Istanbul. Chỉ riêng bờ bắc thành phố đã có vài ba khu chợ cổ kính. Lớn nhất có lẽ là Spice Market. Thực sự là những chợ trong chợ, thành phố chợ, có tới 12 cổng, mỗi cổng đều có mái vòm, vòm lâu, như Ô Quan Chưởng ở Hà Nội. Du khách vào chợ nên đi theo đoàn, rỗng rần theo nhau kéo lặc. Cổng chợ số 7 Kapalycarsi có quốc huy cổ, xây từ năm 1461, là một cổng thành chứ không phải cổng chợ, rất ấn tượng. Vào đây, đi lòng vòng hết khu may mặc đồ da, đến khu gốm sứ, khu chạm khắc, khu hương liệu... cơ man hàng hóa, cơ man người. Chợ nhận ra cái lối văn hóa đạo Hồi, giống như xứ sở Ba Tư ngày xưa, như Iran bây giờ. Hầu hết những người bán hàng đều là đàn ông. Trước mỗi quầy hàng, ngay cả khu rau quả, thực phẩm, vẫn là những ông già râu tóc bạc phơ, những người đàn ông mắt sâu, râu quai nón rậm rì, ai cũng thường trực nụ cười, rồi cười rất tươi chào mời khách. Chỉ cần khách dừng lại là họ chỉ trở giới thiệu các mặt hàng và mở máy tính, bấm nhao nháy giá từng thứ đồ. Họ chấp nhận đủ mọi thứ tiền, USD, euro, rials (Iran), lira (Thổ Nhĩ Kỳ). Và thường bán cho khách chỉ một nửa số tiền họ nói, nếu khách biết mặc cả. Lại nhớ lần sang Ba Lan, thăm khu chợ vòm ở thủ đô Vacswa. Cả khu chợ mênh mông hàng trăm gian hàng chia làm ba khu vực, khu người Tàu, khu người Thổ và khu người Việt. Người Thổ Nhĩ Kỳ buôn bán giới nhất thế giới Arap.

Có một tour mua sắm, mà chỉ những *tour leader* chứ không phải *tour guide* dẫn mới, mới được tiếp cận. Đó là đi mua thảm len và hàng đồ da ở hãng sản xuất lâu đời và nổi tiếng nhất Istanbul. Cơ sở sản xuất thảm len nằm ở khu phố bờ biển. Khách đến, được mời xem quy trình dệt len thủ công với những người thợ lành nghề. Rồi hàng chục thanh niên lực lưỡng khuôn ra những khoanh thảm, nhỏ như vương chiều và lớn bằng cả diện tích những gian đại sảnh. Đẹp và tinh xảo, quý phái đến ngỡ ngàng. Nhưng đến khi phát giá, hầu như tất cả đều lắc đầu, là lừa. Tắm nhỏ nhất, như vương chiều cũng hai ngàn USD. Tắm đại sảnh tới vài chục ngàn USD. Khách tắm tắc khen rồi vãi tay ra về.

Ở hãng sản xuất hàng da quý hiếm, có tuổi đời hơn trăm năm, sự tiếp đón còn nồng hậu hơn nữa. Khách được mời uống trà ô liu nóng với đường chà là, được mời xem một *catwalk show*, thậm chí mời cả các thành viên của đoàn lên sàn biểu diễn. Ai cũng tưởng mình đang trong một cung điện trình diễn thời trang ở Ý, ở Pháp. Những chiếc áo da đủ loại, da cừu, da bò, da tuần lộc... với độ mềm như lụa, mịn như nhung, với đủ màu sắc. Tất nhiên một chiếc áo da hai lớp, có thể mặc trong mặc ngoài, một túi xách cũng đề bằng giá tối thiểu từ 2500 USD tới nhiều nghìn USD. Khi biết khách là người Việt Nam, ông chủ tuyên bố xanh rờn: “Chúng tôi thường chỉ khuyến mại 40%, nhưng với các bạn Việt Nam anh hùng, hôm nay chúng tôi khuyến mại tới 60%”. Và tất nhiên, những chiếc hầu bao của khách Việt vốn luôn khóa chặt, được mở tung. Nhưng khi thanh toán thì hai bên tiếp tục một cuộc thương lượng. Cuối cùng, ông chủ râu rậm và mền khách lại tuyên bố xanh rờn một lần nữa: “Hôm nay là một ngày đặc biệt, được đón đoàn khách đặc biệt đến từ Việt Nam quang vinh, chúng tôi đặc cách giảm giá cho các bạn 80%”.

Tám mươi phần trăm cho Việt Nam quang vinh. Một niềm vui, một tình cảm quá hào phóng của những người bạn Thổ Nhĩ Kỳ giữa cổ đô Istanbul.

Isfahan, Iran 5/11
Vũng Tàu, Hà Nội, 12/2018.
HMT

Xin xem thêm bài của nhà văn Hoàng Minh Tường đọc trước mộ Alexandre de Rhodes:
<http://vanviet.info/van/doc-truoc-mo-cha-alexandre-de-rhodes-o-isfahan-iran/>